

**UBND QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG MN ANH ĐÀO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 252/QĐ-MNAD

Gò Vấp, ngày 08 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán quý 3 năm 2024 của
Trường Mầm non Anh Đào**

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT – BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT – BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ vào kết quả tình hình thực hiện dự toán quý 3 năm 2024 của Trường Mầm non Anh Đào;
- Xét đề nghị của kế toán trường Mầm non Anh Đào,

QUYẾT ĐỊNH:

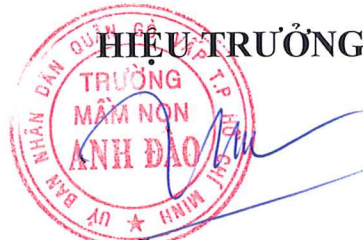
Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán quý 3 năm 2024 của Trường Mầm non Anh Đào (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài chính trường Mầm non Anh Đào thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TC.



Nguyễn Thị Phú Châu

Gò Vấp, ngày 08 tháng 10 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 3 NĂM 2024
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường Mầm non Anh Đào công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 3/2024 như sau:

ĐV tính: đồng						
Số TT	Nội dung	Năm trước chuyển sang	Dự toán năm	Ước thực hiện quý	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2		3	4	5	6
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
1	Số thu học phí		2.073.600.000	893.500.000	43,1%	
2	Chi từ nguồn thu học phí được để lại	1.050.564.286	2.073.600.000	639.809.925	20,5%	137,1%
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN					
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước					
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	533.895.709	16.111.476.000	3.945.541.835		
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
a)	Kinh phí giao tự chủ (nguồn 13)	4.307.414	6.128.979.000	1.235.569.904	20,1%	
b)	Kinh phí giao tự chủ (nguồn 14)	247.802.561	1.066.224.000	247.177.521	18,8%	
c)	Kinh phí giao không tự chủ (nguồn 12)	0	3.730.016.000	1.437.362.571	38,5%	79,3%
d)	Kinh phí giao không tự chủ (nguồn 14)	281.785.734	5.186.257.000	1.025.431.839	18,8%	104,9%
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					

Người lập



Nguyễn Hà Mai Phương

Gò Vấp, Ngày 08 tháng 10 năm 2024

Hiệu trưởng



Nguyễn Thị Phú Châu

BẢNG THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
QUÝ 3 NĂM 2024

I. Tổng quan tình hình sử dụng dự toán năm 2024

	Nguồn 13 (chi TX giao tự chủ)	Nguồn 14 (chi TX giao tự chủ)	Nguồn 12 (chi TX không giao tự chủ)	Nguồn 14 (chi TX không giao tự chủ)	Tổng cộng
Tồn năm 2023 chuyển sang	4.307.414	247.802.561	0	281.785.734	533.895.709
Dự toán giao trong năm 2024	6.128.979.000	1.066.224.000	3.730.016.000	5.186.257.000	16.111.476.000
Dự toán đã sử dụng	4.002.979.389	579.771.882	2.895.021.108	2.286.741.346	9.764.513.725
+ Quý 1	1.447.851.861	69.480.080	660.575.254	134.237.859	2.312.145.054
+ Quý 2	1.319.557.624	263.114.281	797.083.283	1.127.071.648	3.506.826.836
+ Quý 3	1.235.569.904	247.177.521	1.437.362.571	1.025.431.839	3.945.541.835
+ Quý 4					0
Tồn cuối kỳ	2.130.307.025	734.254.679	834.994.892	3.181.301.388	6.880.857.984

II. Chi tiết tình hình sử dụng dự toán ngân sách theo nguồn kinh phí:

1/ Chi thường xuyên giao TC (nguồn 13) :

Mã nội dung kinh tế	Chỉ tiêu	Dự toán đã sử dụng	
		Quý 3/2024	Lũy kế từ đầu năm
B	C	1	2
	Tổng cộng	1.235.569.904	4.002.979.389
6001	Lương theo ngạch, bậc	645.695.114	2.055.399.014
6101	Phụ cấp chức vụ	11.100.500	36.728.500
6105	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	0	6.072.084
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	235.044.121	730.635.065
6113	Phụ cấp theo nghề, theo công việc	447.000	1.341.000
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	114.051.603	352.720.399
6301	Bảo hiểm xã hội	135.314.842	428.264.984
6302	Bảo hiểm y tế	23.196.838	73.416.882
6303	Kinh phí công đoàn	15.464.544	48.944.542
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	7.732.285	24.472.305
6449	Chi khác	0	121.091.700
6501	Tiền điện	25.876.523	43.964.017
6551	Văn phòng phẩm	9.008.000	18.153.642
6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoán điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	146.534	416.757
6605	Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng	2.178.000	5.732.898
6704	Khoán công tác phí	0	11.000.000
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	0	2.200.000
6955	Tài sản và thiết bị văn phòng	0	11.660.000
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	10.314.000	10.314.000
7049	Chi khác		20.451.600

2/ Chi thường xuyên giao TC (nguồn 14) :

Mã nội dung kinh tế	Chỉ tiêu	Dự toán đã sử dụng	
		Quý 3/2024	Lũy kế từ đầu năm
B	C	1	2
	Tổng cộng	247.177.521	579.771.882
6001	Lương theo ngạch, bậc	134.339.252	322.482.545
6101	Phụ cấp chức vụ	2.309.500	5.683.848



6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	48.901.798	117.415.544
6113	Phụ cấp theo nghề, theo công việc	93.000	217.000
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	23.728.857	55.864.005
6301	Bảo hiểm xã hội	28.152.748	58.166.236
6302	Bảo hiểm y tế	4.826.180	9.971.347
6303	Kinh phí công đoàn	3.217.463	6.647.578
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	1.608.723	3.323.779

3/ Chi thường xuyên không giao TC (nguồn 12) :

Mã nội dung kinh tế	Chỉ tiêu	Dự toán đã sử dụng	
		Quý 3/2024	Lũy kế từ đầu năm
B	C	1	2
	Tổng cộng	1.437.362.571	2.895.021.108
6001	Lương theo ngạch, bậc	54.510.300	120.219.300
6105	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	1.492.815	373.450.817
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	9.294.705	15.424.605
6301	Bảo hiểm xã hội	9.539.304	21.038.379
6302	Bảo hiểm y tế	1.635.309	3.606.579
6303	Kinh phí công đoàn	1.090.206	2.404.386
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	545.103	1.202.193
6449	Chi khác	421.913.313	1.420.333.333
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	2.994.000	2.994.000
6907	Nhà cửa	16.675.956	16.675.956
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	24.171.560	24.171.560
7766	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	893.500.000	893.500.000

4/ Chi thường xuyên không giao TC (nguồn 14) :

Mã nội dung kinh tế	Chỉ tiêu	Dự toán đã sử dụng	
		Quý 3/2024	Lũy kế từ đầu năm
B	C	1	2
	Tổng cộng	1.025.431.839	2.286.741.346
6001	Lương theo ngạch, bậc	0	56.133.607
6101	Phụ cấp chức vụ	0	1.027.652
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	0	17.913.880
6113	Phụ cấp theo nghề, theo công việc	0	31.000
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	0	9.441.246
6301	Bảo hiểm xã hội	0	20.781.181
6302	Bảo hiểm y tế	0	3.562.485
6303	Kinh phí công đoàn	0	2.374.999
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	0	1.187.498
6449	Chi khác	1.025.431.839	2.174.287.798

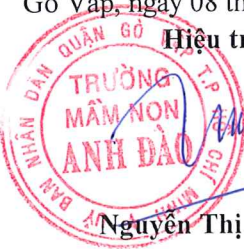
Gò Vấp, ngày 08 tháng 10 năm 2024

Người lập



Nguyễn Hà Mai Phương

Hiệu trưởng



Nguyễn Thị Phú Châu